

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 10/03/2013

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1	169211457	Võ Ngọc Ba	D16XDD1	10/04/1988	Quảng Nam	8.5	Tám Phẩy Năm	
2	169211461	Phạm Đức Bình	D16XDD1	07/01/1988	Yên Bái	6.5	Sáu Phẩy Năm	
3	169211462	Nguyễn Văn Cao	D16XDD1	22/09/1986	Quảng Trị	7.0	Bảy	
4	169211463	Trần Văn Chánh	D16XDD1	10/05/1985	Gia Lai	7.5	Bảy Phẩy Năm	
5	169211466	Phan Nguyễn Thanh Chương	D16XDD1	20/11/1988	Quảng Trị	8.0	Tám	
6	169211471	Bùi Thanh Danh	D16XDD1	04/02/1988	Đà Nẵng	8.3	Tám Phẩy Ba	
7	169211473	Nguyễn Đức Sĩ Diện	D16XDD1	07/07/1987	Quảng Trị	7.8	Bảy Phẩy Tám	
8	152210116	Trần Trung Dũng	D15XDD2	22/05/1987	Quảng Bình	7.0	Bảy	
9	169211479	Trịnh Anh Dũng	D16XDD1	20/05/1989	Quảng Ngãi	7.5	Bảy Phẩy Năm	
10	169211472	Nguyễn Văn Đạt	D16XDD1	27/03/1987	Thái Nguyên	8.0	Tám	
11	152210208	Bùi Văn Đức	T15XDD2	05/09/1984	Quảng Nam	8.0	Tám	
12	152211699	Nguyễn Văn Được	D15XDDB	14/09/1987	Quảng Nam	7.0	Bảy	
13	152210037	Phạm Ngọc Đường	D15XDD3	12/04/1984	Hà Tĩnh	7.3	Bảy Phẩy Ba	
14	152220352	Ngô Tiến Hà	T15XDD1	15/06/1987	Thanh Hóa	6.3	Sáu Phẩy Ba	
15	169211483	Hoàng Thị Thu Hà	D16XDD1	16/01/1988	Đà Nẵng	9.0	Chín	
16	169211484	Hứa Hùng Hà	D16XDD1	25/01/1988	Gia Lai	7.0	Bảy	
17	142210185	Nguyễn Thế Hanh	T14XDD1	03/02/1987	Hà Tĩnh	6.0	Sáu	
18	152210145	La Văn Hanh	D15XDD2	25/06/1987	Thanh Hóa	7.0	Bảy	
19	169211486	Nguyễn Văn Hạnh	D16XDD1	17/11/1988	Quảng Nam	6.3	Sáu Phẩy Ba	
20	169221596	Phan Lê Nghĩa Hiệp	D16XDD1	30/12/1982	Quảng Nam	9.0	Chín	
21	152211713	Trần Đăng Hiếu	D15XDDB	10/09/1986	Đắk Lắk	7.0	Bảy	
22	152211740	Phạm Văn Hiếu	D15XDDB	19/11/1983	Quảng Ngãi	5.5	Năm Phẩy Năm	
23	169211489	Nguyễn Thanh Hiếu	D16XDD1	03/06/1982	Bình Định	9.0	Chín	
24	169211490	Nguyễn Văn Hiếu	D16XDD1	01/09/1989	Bắc Ninh	7.5	Bảy Phẩy Năm	
25	169211492	Nguyễn Thị Hòa	D16XDD1	22/09/1989	Quảng Bình	8.0	Tám	
26	152211749	Trần Đình Hóa	D15XDDB	02/09/1985	Nghệ An	7.0	Bảy	
27	152210148	Nguyễn Xuân Hoàng	D15XDD1	01/08/1985	Tt Huế	5.5	Năm Phẩy Năm	
28	169211493	Lê Minh Hoàng	D16XDD1	05/02/1987	Kon Tum	6.0	Sáu	
29	152211751	Nguyễn Hoàng	D15XDDB	01/02/1985	Tt Huế	5.5	Năm Phẩy Năm	
30	169211499	Phan Đức Hữu	D16XDD1	01/01/1984	Quảng Nam	6.5	Sáu Phẩy Năm	
31	169211500	Nguyễn Công Hữu	D16XDD1	05/06/1989	Quảng Bình	7.5	Bảy Phẩy Năm	
32	152211730	Phan Thúc Khoa	D15XDDB	12/06/1987	Bình Định	7.0	Bảy	
33	152210015	Đặng Quang Lễ	D15XDD1	10/01/1985	Tt Huế	V	Vắng	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 10/03/2013

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
34	152210132	Đỗ Hoàng	Long	D16XDD1	23/06/1988	Gia Lai	9.0	Chín	
35	152210216	Nguyễn Văn	Long	T15XDD1	27/05/1987	Quảng Nam	8.8	Tám Phẩy Tám	
36	169211510	Nguyễn Đình	Long	D16XDD1	18/04/1989	Quảng Bình	9.0	Chín	
37	169211512	Trần Văn	Long	D16XDD1	08/07/1984	Quảng Nam	6.8	Sáu Phẩy Tám	
38	152211764	Lê Viết	Luân	D15XDD1	05/11/1988	Tt Huế	5.5	Năm Phẩy Năm	
39	169211514	Phan Công	Luân	D16XDD1	01/01/1986	Quảng Nam	7.0	Bảy	
40	152210181	Bùi Văn	Lực	T15XDD1	12/10/1984	Thanh Hóa	5.5	Năm Phẩy Năm	
41	152210233	Võ Ngọc	Lưu	T15XDD1	03/03/1979	Quảng Nam	8.3	Tám Phẩy Ba	
42	152210239	Trần	May	T15XDD2	22/12/1981	Tt Huế	7.3	Bảy Phẩy Ba	
43	169211519	Phạm	Mẫn	D16XDD1	12/04/1984	Đà Nẵng	7.0	Bảy	
44	152210070	Trương Thành	Nam	D15XDD2	08/09/1985	Quảng Nam	8.0	Tám	
45	169211523	Nguyễn Văn	Nam	D16XDD1	01/01/1984	Quảng Nam	9.0	Chín	
46	169211525	Phạm Trường	Ngân	D16XDD1	08/06/1987	Quảng Nam	8.0	Tám	
47	152211709	Nguyễn Phong	Nhàn	D15XDD1	10/10/1988	Quảng Trị	8.3	Tám Phẩy Ba	
48	169211529	Trần Văn	Pháp	D16XDD2	01/04/1989	Đà Nẵng	8.5	Tám Phẩy Năm	
49	169211531	Thái Duy	Phổ	D16XDD2	05/10/1986	Đà Nẵng	6.5	Sáu Phẩy Năm	
50	169211537	Đặng	Phương	D16XDD2	16/04/1989	Gia Lai	8.5	Tám Phẩy Năm	
51	169211538	Lê Duy	Phương	D16XDD2	10/10/1986	Quảng Ngãi	7.3	Bảy Phẩy Ba	
52	169211543	Đình Trần	Quang	D16XDD2	26/08/1987	Quảng Nam	7.3	Bảy Phẩy Ba	
53	169211545	Trần	Quang	D16XDD2	24/03/1988	Quảng Nam	8.0	Tám	
54	169211541	Nguyễn Quang	Quân	D16XDD2	14/04/1989	Kon Tum	6.0	Sáu	
55	169211546	Võ Tiến	Quốc	D16XDD2	16/09/1988	Quảng Nam	9.0	Chín	
56	152211705	Nguyễn	Quý	D15XDD1	06/05/1978	Đà Nẵng	5.8	Năm Phẩy Tám	
57	152220378	Trần Đình	Sang	T15XDD1	10/09/1984	Đà Nẵng	5.8	Năm Phẩy Tám	
58	152211724	Lê Tấn	Sĩ	D15XDD1	26/10/1986	Đà Nẵng	6.8	Sáu Phẩy Tám	
59	169211547	Doãn Đức	Sinh	D16XDD2	20/11/1986	Huế	7.5	Bảy Phẩy Năm	
60	152211723	Phan Trường	Sơn	D15XDD1	26/09/1988	Kon Tum	5.5	Năm Phẩy Năm	
61	169211548	Lê Viết	Sơn	D16XDD2	21/10/1983	Quảng Nam	9.0	Chín	
62	169211549	Trần Ngọc	Sơn	D16XDD2	03/10/1989	Bình Định	9.0	Chín	
63	169211550	Lê Ngọc	Sơn	D16XDD2	17/06/1988	Quảng Bình	7.3	Bảy Phẩy Ba	
64	142210245	Phan Trần	Sử	T14XDD1	01/08/1984	Quảng Nam	8.3	Tám Phẩy Ba	
65	169211551	Hoàng Thanh	Sự	D16XDD2	15/12/1986	Quảng Trị	8.0	Tám	
66	169211552	Hoàng	Tâm	D16XDD2	09/10/1986	Quảng Bình	6.8	Sáu Phẩy Tám	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 10/03/2013

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
67	169211564	Lê Trung	Tiến	D16XDD2	05/04/1989	Quảng Nam	7.3	Bảy Phẩy Ba	
68	169211565	Nguyễn Ngọc	Tin	D16XDD2	16/07/1989	Quảng Ngãi	8.0	Tám	
69	169221623	Nguyễn Trung	Tín	D16XDD2	08/08/1988	Quảng Nam	7.8	Bảy Phẩy Tám	
70	152211720	Phạm Hữu	Tinh	D15XDDB	02/09/1979	Hà Tĩnh	6.5	Sáu Phẩy Năm	
71	169211566	Lê Đức	Tinh	D16XDD2	01/01/1989	Bình Định	7.5	Bảy Phẩy Năm	
72	152210225	Nguyễn Trần	Toản	T15XDD1	01/03/1983	Quảng Nam	8.0	Tám	
73	169211580	Bùi Thanh	Tuấn	D16XDD2	04/08/1989	Quảng Bình	5.5	Năm Phẩy Năm	
74	152210184	Phạm	Tứ	T15XDD1	20/04/1985	Quảng Trị	6.0	Sáu	
75	152211733	Vương Hiệp	Thái	D15XDDB	02/02/1986	Bình Định	6.0	Sáu	
76	169211556	Trần Phương	Thanh	D16XDD2	30/03/1987	Quảng Nam	9.0	Chín	
77	169211558	Nguyễn Trọng	Thanh	D16XDD2	09/09/1979	Quảng Nam	6.8	Sáu Phẩy Tám	
78	152210228	Lê Minh	Thiện	T15XDD1	06/02/1985	Quảng Nam	8.3	Tám Phẩy Ba	
79	152210084	Hồ Đức	Thọ	D15XDD2	15/08/1984	Quảng Nam	6.0	Sáu	
80	152211741	Lê Bảo	Thy	D15XDDB	21/11/1978	Bình Định	8.0	Tám	
81	169211582	Phan Thị Thảo	Uyên	D16XDD2	02/05/1988	Quảng Nam	8.5	Tám Phẩy Năm	
82	169211583	Nguyễn Xuân	Việt	D16XDD2	17/08/1988	Quảng Nam	8.0	Tám	
83	169211585	Võ Hoàng	Vũ	D16XDD2	26/07/1987	Bình Định	8.5	Tám Phẩy Năm	
84	169221630	Đoàn Văn	Vui	D16XDD2	10/06/1987	Quảng Nam	8.0	Tám	
85	169211587	Lê Minh	Vương	D16XDD2	10/04/1981	Quảng Trị	7.0	Bảy	
86	152221777	Thái Bình	An	D15XDCB	10/02/1986	Quảng Nam	6.0	Sáu	
87	152221766	Nguyễn Long	Bảo	D15XDCB	21/07/1987	Gialai	V	Vắng	
88	169221590	Nguyễn Hữu	Bình	D16XDC	08/08/1984	Quảng Nam	6.8	Sáu Phẩy Tám	
89	152220329	Lê Ngọc	Cương	D15XDCB	01/03/1984	Quảng Bình	6.5	Sáu Phẩy Năm	
90	152221765	Nguyễn Duy	Dự	D15XDCB	05/11/1986	Đà Nẵng	6.0	Sáu	
91	152221781	Lê Văn	Được	D15XDCB	19/07/1987	Quảng Nam	6.8	Sáu Phẩy Tám	
92	169221595	Nguyễn Tuấn	Hải	D16XDC	01/01/1982	Quảng Nam	6.3	Sáu Phẩy Ba	
93	169221601	Nguyễn Văn	Hung	D16XDC	16/10/1989	Quảng Bình	6.8	Sáu Phẩy Tám	
94	169221607	Lê Ngọc Bảo	Lâm	D16XDC	15/04/1987	Quảng Nam	6.0	Sáu	
95	169221608	Trần Ngọc	Linh	D16XDC	17/12/1987	Quảng Trị	7.5	Bảy Phẩy Năm	
96	152221782	Huỳnh Phương	Nam	D15XDCB	23/10/1985	Đà Nẵng	7.5	Bảy Phẩy Năm	
97	169221614	Nguyễn Hoàng	Nguyên	D16XDC	25/09/1988	Bình Định	7.0	Bảy	
98	152220328	Nguyễn Lưu	Quang	D15XDC	12/12/1987	Tt Huế	7.0	Bảy	
99	169221618	Nguyễn Hồng	Quân	D16XDC	26/07/1987	Quảng Bình	7.3	Bảy Phẩy Ba	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 10/03/2013

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
100	152221770	Nguyễn Đăng	Sang	D15XDCB	20/11/1985	Quảng Nam	6.0	Sáu	
101	152221783	Nguyễn Nhật	Tân	D15XDCB	20/10/1987	Quảng Trị	6.5	Sáu Phẩy Năm	
102	152220293	Đặng Sỹ	Trai	D15XDCB	12/03/1986	Quảng Trị	6.0	Sáu	
103	169221624	Nguyễn Thới Vân	Trường	D16XDC	17/02/1989	Quảng Ngãi	6.5	Sáu Phẩy Năm	
1	142111006	Trần Quang	Đạt	K14TMT	06/12/1990	Quảng Nam	6.0	Sáu	
2	169121415	Võ Hồng	Huy	D16TPM	02/04/1987	Đắk Lắk	8.5	Tám Phẩy Năm	
3	169121441	Hồ Đăng	Tiên	D16TPM	14/04/1981	Quảng Trị	6.8	Sáu Phẩy Tám	
4	169122413	Võ Thị	Mai	D16TPMB	30/04/1986	Đà Nẵng	7.0	Bảy	

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 03 năm 2013

LẬP BẢNG

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

CT.HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

ThS. Nguyễn Ân

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 10/03/2013

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	G.TÍNH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
1	171322250	Nguyễn Thế Anh	C17KCD	08/12/1985	Đà Nẵng	Nam	5.5	Năm Phẩy Năm	
2	171322251	Nguyễn Thị Vân Anh	C17KCD	23/05/1991	Đà Nẵng	Nữ	5.5	Năm Phẩy Năm	
3	171322252	Nguyễn Đức Anh	C17KCD	03/07/1991	Đà Nẵng	Nam	8.9	Tám Phẩy Chín	
4	171322253	Trần Phước Anh	C17KCD	08/11/1990	Đà Nẵng	Nam	6.0	Sáu	
5	171322257	Đào Trung Công	C17KCD	02/05/1991	Đà Nẵng	Nam	7.5	Bảy Phẩy Năm	
6	171322259	Phạm Đình Hồng Diễm	C17KCD	12/01/1991	Quảng Ngãi	Nữ	9.0	Chín	
7	171322263	Phạm Thị Thùy Dương	C17KCD	21/09/1990	Quảng Nam	Nữ	5.8	Năm Phẩy Tám	
8	171322271	Nguyễn Mậu Hào	C17KCD	22/01/1991	Quảng Nam	Nam	4.0	Bốn	
9	171322267	Hà Thị Mỹ Hằng	C17KCD	14/05/1991	Quảng Bình	Nữ	6.1	Sáu Phẩy Một	
10	171322269	Trần Thị Thúy Hằng	C17KCD	08/07/1990	Đà Nẵng	Nữ	7.0	Bảy	
11	171322273	Mai Thị Thanh Hiền	C17KCD	16/08/1989	Đà Nẵng	Nữ	8.0	Tám	
12	171322274	Nguyễn Thị Dịu Hiền	C17KCD	25/07/1991	Quảng Nam	Nữ	9.3	Chín Phẩy Ba	
13	171322276	Bùi Thị Hiền	C17KCD	20/06/1990	Đà Nẵng	Nữ	6.0	Sáu	
14	171322280	Đinh Thị Thu Hóa	C17KCD	07/03/1991	Quảng Bình	Nữ	5.8	Năm Phẩy Tám	
15	171322281	Nguyễn Đức Hoàng	C17KCD	15/03/1990		Nam	7.0	Bảy	
16	171322282	Mai Tuyết Hồng	C17KCD	23/04/1991	Đà Nẵng	Nữ	6.0	Sáu	
17	171322284	Nguyễn Văn Hùng	C17KCD	25/10/1987	Nghệ An	Nam	7.1	Bảy Phẩy Một	
18	171322286	Dương Quang Huy	C17KCD	15/08/1991	Đà Nẵng	Nam	9.0	Chín	
19	171322287	Bùi Trọng Kim Chí Huyền	C17KCD	04/09/1990		Nữ	5.5	Năm Phẩy Năm	
20	171322288	Lê Thị Thanh Huyền	C17KCD	14/04/1991	Đà Nẵng	Nữ	7.0	Bảy	
21	171322285	Nguyễn Thị Thùy Hương	C17KCD	26/01/1990	Đà Nẵng	Nữ	7.0	Bảy	
22	171322290	Thái Thị Vân Kiều	C17KCD	28/02/1990	Bình Định	Nữ	9.0	Chín	
23	171322291	Trần Thị Cẩm Liên	C17KCD	28/04/1991	Quảng Trị	Nữ	3.4	Ba Phẩy Bốn	
24	171322292	Ông Thị Hoàng Liễu	C17KCD	20/07/1990	Đà Nẵng	Nữ	6.0	Sáu	
25	171322294	Hoàng Diệu Linh	C17KCD	15/01/1992	Hà Nội	Nữ	6.0	Sáu	
26	171322296	Võ Thị Thùy Linh	C17KCD	17/05/1991	Gia Lai	Nữ	V	Vắng	
27	171322299	Mai Thị Cẩm Ly	C17KCD	26/04/1989	Bình Định	Nữ	9.3	Chín Phẩy Ba	
28	171322301	Đặng Thị Trà My	C17KCD	16/03/1990	Đà Nẵng	Nữ	5.5	Năm Phẩy Năm	
29	171322302	Dương Thị Mỹ	C17KCD	02/02/1990	Đà Nẵng	Nữ	9.3	Chín Phẩy Ba	
30	171322313	Thái Hàn Ni	C17KCD	13/04/1991	Quảng Nam	Nữ	7.0	Bảy	
31	171322304	Đặng Thị Nga	C17KCD	18/07/1991	Đà Nẵng	Nữ	8.0	Tám	
32	171322307	Trần Thị Bích Ngọc	C17KCD	04/03/1990	Đà Nẵng	Nữ	9.0	Chín	
33	171322310	Vũ Thị Nguyệt	C17KCD	07/12/1990	Đà Nẵng	Nữ	7.0	Bảy	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 10/03/2013

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	G.TÍNH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
34	171322311	Nguyễn Nha Nhi	C17KCD	25/04/1991	Đà Nẵng	Nữ	8.0	Tám	
35	171322314	Châu Hoàng Phận	C17KCD	26/02/1991	Quảng Ngãi	Nam	9.3	Chín Phẩy Ba	
36	161321141	Phạm Văn Phúc	C16KCD	20/12/1986	Đà Nẵng	Nam	2.7	Hai Phẩy Bảy	
37	171322317	Trương Thị Minh Phụng	C17KCD	05/12/1990	Daklak	Nữ	8.5	Tám Phẩy Năm	
38	171322318	Nguyễn Thị Mai Phương	C17KCD	11/06/1991	Quảng Bình	Nữ	7.0	Bảy	
39	171322319	Phạm Thị Mỹ Phương	C17KCD	03/02/1991	Daklak	Nữ	7.0	Bảy	
40	171322320	Võ Thúy Phương	C17KCD	14/08/1991	Quảng Nam	Nữ	5.5	Năm Phẩy Năm	
41	171322322	Trương Thị Hồng Phượng	C17KCD	04/02/1989	Đà Nẵng	Nữ	7.0	Bảy	
42	171322325	Phạm Như Quỳnh	C17KCD	10/08/1990	Đà Nẵng	Nữ	9.0	Chín	
43	171322326	Phan Quang Tài	C17KCD	01/08/1981	Quảng Nam	Nam	9.0	Chín	
44	171322328	Võ Thị Tâm	C17KCD	21/04/1991	Quảng Nam	Nữ	9.0	Chín	
45	171322329	Hà Bảo Tân	C17KCD	25/09/1991	Đà Nẵng	Nam	6.0	Sáu	
46	171322346	Nguyễn Thị Tín	C17KCD	06/01/1991	Bình Định	Nữ	8.0	Tám	
47	171322347	Phạm Đình Toàn	C17KCD	22/12/1990	Quảng Nam	Nam	8.0	Tám	
48	171322348	Trần Đức Toàn	C17KCD	05/02/1991	Quảng Nam	Nam	9.0	Chín	
49	171322358	Lê Thanh Tùng	C17KCD	10/05/1991	Đà Nẵng	Nam	6.5	Sáu Phẩy Năm	
50	171322360	Kiều Thị Thanh Tuyền	C17KCD	10/12/1991	Quảng Nam	Nữ	7.0	Bảy	
51	171322361	Nguyễn Ánh Tuyết	C17KCD	31/12/1991	Quảng Bình	Nữ	5.5	Năm Phẩy Năm	
52	171322362	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	C17KCD	23/03/1990	Đà Nẵng	Nữ	2.0	Hai	
53	171322363	Võ Thị Kim Tuyết	C17KCD	14/01/1990	Gia Lai	Nữ	7.0	Bảy	
54	171322357	Phạm Thị Tứ	C17KCD	10/10/1989	Bình Định	Nữ	7.0	Bảy	
55	171322331	Hồ Công Thành	C17KCD	25/09/1987	Gia Lai	Nam	7.0	Bảy	
56	171322332	Phan Ngọc Thành	C17KCD	07/08/1991	Quảng Bình	Nam	3.5	Ba Phẩy Năm	
57	171322333	Đỗ Xuân Thảo	C17KCD	06/07/1990	Quảng Nam	Nam	1.0	Một	
58	171322335	Nguyễn Trần Phươn Thảo	C17KCD	01/08/1991	Gia Lai	Nữ	7.0	Bảy	
59	171322330	Phạm Thị Hồng Thắm	C17KCD	28/05/1990	Quảng Bình	Nữ	8.0	Tám	
60	171322337	Ngô Lê Quốc Thịnh	C17KCD	07/07/1990	Đà Nẵng	Nam	3.5	Ba Phẩy Năm	
61	171322338	Nguyễn Thị Hồng Thơm	C17KCD	19/07/1990	Đà Nẵng	Nữ	6.5	Sáu Phẩy Năm	
62	171322340	Lê Hoài Hà Thu	C17KCD	23/11/1988	Đà Nẵng	Nữ	6.0	Sáu	
63	171322345	Nguyễn Thị Thủy	C17KCD	20/06/1990	Hà Tĩnh	Nữ	7.5	Bảy Phẩy Năm	
64	171322343	Lê Thị Thanh Thúy	C17KCD	03/04/1991	Đà Nẵng	Nữ	6.0	Sáu	
65	171322344	Phạm Thị Thúy	C17KCD	10/02/1991	Quảng Trị	Nữ	7.5	Bảy Phẩy Năm	
66	171322341	Huỳnh Ngọc Khánh Thư	C17KCD	14/10/1991	Đà Nẵng	Nữ	6.0	Sáu	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 10/03/2013

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	G.TÍNH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
67	171322349	Nguyễn Thị Trang	C17KCD	25/05/1990	Quảng Nam	Nữ	6.0	Sáu	
68	171322350	Trần Thị Quỳnh Trang	C17KCD	10/12/1990	Quảng Bình	Nữ	5.5	Năm Phẩy Năm	
69	171322351	Trương Thị Huyền Trang	C17KCD	26/11/1991	Quảng Bình	Nữ	6.5	Sáu Phẩy Năm	
70	171322352	Trương Thị Ánh Trang	C17KCD	01/06/1991	Quảng Nam	Nữ	7.0	Bảy	
71	171322353	Lê Thị Tú Trinh	C17KCD	22/06/1989	Đà Nẵng	Nữ	1.5	Một Phẩy Năm	
72	171322356	Huỳnh Xuân Trường	C17KCD	02/02/1991	Đà Nẵng	Nam	5.5	Năm Phẩy Năm	
73	171322364	Hoàng Thị Hải Vân	C17KCD	04/08/1990	Quảng Bình	Nữ	9.5	Chín Phẩy Năm	
74	171322365	Nguyễn Thị Thanh Vân	C17KCD	25/11/1991	Gia Lai	Nữ	6.5	Sáu Phẩy Năm	
75	171322366	Nguyễn Quang Vinh	C17KCD	04/06/1991	Đà Nẵng	Nam	5.5	Năm Phẩy Năm	
76	171322368	Nguyễn Thị Tường Vy	C17KCD	07/09/1991	Quảng Ngãi	Nữ	9.5	Chín Phẩy Năm	
77	171322369	Hoàng Ngọc Như Ý	C17KCD	02/10/1991	Đà Nẵng	Nữ	8.5	Tám Phẩy Năm	
78	171322370	Nguyễn Thị Hải Yến	C17KCD	25/08/1991	Quảng Bình	Nữ	8.5	Tám Phẩy Năm	
1	151325866	Lê Thanh Bảo	K15XCD2	10/03/1990	Đắk Lắk	Nam	5.5	Năm Phẩy Năm	
2	161212246	Hoàng Thái Cơ	C16XCDB	14/05/1990	Quảng Bình	Nam	8.5	Tám Phẩy Năm	
3	151214549	Nguyễn Huy Chương	K15XCD2	17/11/1991	Đắk Lắk	Nam	7.0	Bảy	
4	151214552	Lương Duyên Giang	K15XCD2	18/08/1987	Đắk Lắk	Nam	9.0	Chín	
5	151214558	Hoàng Ngọc Hải	K15XCD2	01/06/1991	Quảng Trị	Nam	7.0	Bảy	
6	161212250	Phan Thanh Hải	C16XCDB	12/04/1988	Quảng Trị	Nam	7.0	Bảy	
7	161212252	Nguyễn Phú Hòa	C16XCDB	12/04/1989	Quảng Ngãi	Nam	9.0	Chín	
8	151214532	Huỳnh Châu Thanh Hoàng	K15XCD1	08/10/1991	Quảng Ngãi	Nam	7.0	Bảy	
9	161212253	Lê Anh Hoàng	C16XCDB	05/10/1987	Nghệ An	Nam	7.5	Bảy Phẩy Năm	
10	161212257	Đinh Viêt Khuê	C16XCDB	23/07/1990	Huế	Nam	6.5	Sáu Phẩy Năm	
11	151215902	Dương Hoài Nam	K15XCD1	12/05/1991	Quảng Trị	Nam	8.0	Tám	
12	161212260	Đinh Thị Thủy Nga	C16XCDB	09/03/1989	Quảng Bình	Nam	5.5	Năm Phẩy Năm	
13	151214534	Nguyễn Đắc Trung Nguyên	K15XCD1	05/06/1991	Quảng Nam	Nam	5.5	Năm Phẩy Năm	
14	161212261	Trần Công Nhựt	C16XCDB	13/06/1989	Đà Nẵng	Nam	9.3	Chín Phẩy Ba	
15	161212262	Hồ Văn Quang	C16XCDB	08/12/1988	Đà Nẵng	Nam	7.3	Bảy Phẩy Ba	
16	161212263	Nguyễn Văn Sơn	C16XCDB	27/08/1990	Quảng Nam	Nam	0.0	Không	
17	161212265	Dương Tiến Sơn	C16XCDB	21/02/1990	Quảng Trị	Nam	7.5	Bảy Phẩy Năm	
18	161212268	Đào Duy Toán	C16XCDB	09/06/1989	Quảng Bình	Nam	7.3	Bảy Phẩy Ba	
19	151212089	Trịnh Tuấn	K15XCD2	01/04/1990	Đà Nẵng	Nam	5.8	Năm Phẩy Tám	
1	171442153	Nguyễn Thị Thủy Dương	C17DCD	06/05/1990	Đà Nẵng	Nữ	8.8	Tám Phẩy Tám	
2	171442154	Từ Thị Minh Dương	C17DCD	02/02/1990	Quảng Ngãi	Nữ	7.3	Bảy Phẩy Ba	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 10/03/2013

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	G.TÍNH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
								SỐ	CHỮ	
3	171442155	Lương Thị Cẩm	Giang	C17DCD	24/02/1987	Quảng Nam	Nữ	9.0	Chín	
4	171442157	Huỳnh Minh	Hạnh	C17DCD	06/05/1991	Đà Nẵng	Nữ	8.1	Tám Phẩy Một	
5	171442158	Dur Mai Thùy	Hậu	C17DCD	13/04/1991	Quảng Nam	Nữ	5.5	Năm Phẩy Năm	
6	171442160	Nguyễn Thị Nhật	Hồng	C17DCD	24/10/1991	Quảng Ngãi	Nữ	9.0	Chín	
7	171442162	Hồ Văn Bách	Khoa	C17DCD	27/01/1991	Quảng Nam	Nam	5.5	Năm Phẩy Năm	
8	171442163	Nguyễn Ngọc	Khôi	C17DCD	30/11/1988	Đà Nẵng	Nam	4.0	Bốn	
9	171442164	Nguyễn Hải	Lam	C17DCD	13/09/1988	Thanh Hóa	Nam	6.0	Sáu	
10	171442165	Lê Thị Bảo	Linh	C17DCD	18/03/1990	Đà Nẵng	Nữ	8.3	Tám Phẩy Ba	
11	171442168	Trần Vũ Thùy	Linh	C17DCD	02/06/1991	Đà Nẵng	Nữ	9.3	Chín Phẩy Ba	
12	171442169	Võ Bảo	Lộc	C17DCD	25/02/1990	Bình Định	Nữ	2.7	Hai Phẩy Bảy	
13	171442170	Lê Thị Mỹ	Lợi	C17DCD	01/10/1989	Quảng Nam	Nữ	5.8	Năm Phẩy Tám	
14	171442171	Trần Thị Thu	Ly	C17DCD	29/07/1990	Đà Nẵng	Nữ	5.5	Năm Phẩy Năm	
15	171442173	Trần Thị Ngọc	My	C17DCD	28/10/1987	Đà Nẵng	Nữ	9.0	Chín	
16	171442177	Bùi Thị Phước	Ngân	C17DCD	16/04/1991	Đà Nẵng	Nữ	9.0	Chín	
17	171442180	Trần Thị Minh	Nguyệt	C17DCD	24/06/1990	Đà Nẵng	Nữ	9.5	Chín Phẩy Năm	
18	171442181	Trương Phạm Hạ	Nhi	C17DCD	24/08/1991	Quảng Nam	Nữ	7.5	Bảy Phẩy Năm	
19	171442182	Đặng Thị	Nhung	C17DCD	16/10/1991	Bình Định	Nữ	8.5	Tám Phẩy Năm	
20	171442183	Lê Mai	Nở	C17DCD	10/12/1989	Quảng Nam	Nữ	8.0	Tám	
21	171442206	Phan Hồng	Phong	C17DCD	23/03/1991	Đà Nẵng	Nam	6.5	Sáu Phẩy Năm	
22	171442186	Lê Thị Việt	Quốc	C17DCD	06/01/1990	Quảng Nam	Nữ	8.0	Tám	
23	171442188	Nguyễn Tài	Sáng	C17DCD	21/05/1989	Đà Nẵng	Nam	8.5	Tám Phẩy Năm	
24	171442189	Đoàn Ngọc	Tâm	C17DCD	27/05/1991	Quảng Nam	Nam	8.5	Tám Phẩy Năm	
25	171442193	Lý Phúc	Thọ	C17DCD	02/10/1989	Đà Nẵng	Nam	9.0	Chín	
26	171442194	Trần Thị Thanh	Thúy	C17DCD	05/06/1990	Quảng Ngãi	Nữ	9.0	Chín	
27	171442195	Nguyễn Phùng Diệp	Tiên	C17DCD	22/04/1990	Đà Nẵng	Nam	5.9	Năm Phẩy Chín	
28	171442196	Lê Văn	Tĩnh	C17DCD	02/07/1987	Đà Nẵng	Nam	8.3	Tám Phẩy Ba	
29	171442198	Huỳnh Thị Bích	Trinh	C17DCD	28/01/1984	Đà Nẵng	Nữ	6.5	Sáu Phẩy Năm	
30	171442201	Trương Nguyễn Thu	Tùng	C17DCD	24/10/1987	Đà Nẵng	Nữ	7.0	Bảy	
31	171442156	Lê Thị Thu	Hằng	C17DCD	14/08/1988	Đà Nẵng	Nữ	9.0	Chín	
32	171442175	Tổng Thị Thúy	Nga	C17DCD	10/07/1991	Quảng Nam	Nữ	9.0	Chín	
33	171442197	Đặng Công	Tịnh	C17DCD	08/03/1983	Đà Nẵng	Nam	7.0	Bảy	
34	171442199	Phạm Thị Kiều	Trinh	C17DCD	27/09/1991	Bình Định	Nữ	9.0	Chín	
35	161441257	Lê Thị Thùy	Dung	C16DCD	06/08/1990	Quảng Nam	Nữ	4.0	Bốn	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 10/03/2013

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	G.TÍNH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
								SỐ	CHỮ	
36	161442349	Ung Hoàng	Anh	C16DCDB	25/12/1990	Gia Lai	Nam	8.3	Tám Phẩy Ba	
37	171132003	Hồ Thị	Dung	C17TCD	12/04/1989	Quảng Nam	Nữ	8.0	Tám	
38	171132005	Trần Văn	Hải	C17TCD	19/01/1991	Quảng Nam	Nam	5.5	Năm Phẩy Năm	
39	171133032	Phan Ngọc	Hằng	C17TCD	01/01/1988	Quảng Nam	Nam	5.5	Năm Phẩy Năm	
40	171132010	Phan Nhật	Hoàng	C17TCD	02/10/1991	Đà Nẵng	Nam	5.5	Năm Phẩy Năm	
41	171132011	Đinh Kim	Huy	C17TCD	30/05/1988		Nam	5.5	Năm Phẩy Năm	
42	171132012	Lê Thị Thúy	Kiều	C17TCD	02/01/1985	Quảng Nam	Nữ	7.0	Bảy	
43	171132013	Nguyễn Hồng	Lê	C17TCD	08/01/1986	Đà Nẵng	Nam	2.0	Hai	
44	171132018	Võ Nguyên	Phúc	C17TCD	21/02/1988	Quảng Nam	Nam	6.0	Sáu	
45	171132001	Nguyễn Mạnh	Cường	C17TCD	20/05/1990	Quảng Bình	Nam	9.0	Chín	
46	171132027	Phạm Ngọc	Trang	C17TCD	02/05/1987	Quảng Ngãi	Nam	5.5	Năm Phẩy Năm	
47	161132334	Nguyễn Thanh	Lâm	C16TCDB	02/02/1990	Quảng Nam	Nam	7.0	Bảy	
48	161132332	Nguyễn Phùng Nhật	Khánh	C16TCDB	13/08/1990	Quảng Nam	Nam	3.5	Ba Phẩy Năm	
49	161132331	Trần Mạnh	Hùng	C16TCDB	13/12/1983	Đà Nẵng	Nam	9.0	Chín	

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 03 năm 2013
CT.HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

LẬP BẢNG

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

ThS. Nguyễn Ân